

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500
Khu trung tâm xã Lương Mông, huyện Ba Chẽ

UỶ BAN NHÂN DÂN HUYỆN BA CHÈ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 17/6/2009; Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị”; Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 3921/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/10.000 huyện Ba Chẽ;

Căn cứ Quyết định số 388/QĐ-UBND ngày 15/02/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng vùng huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 3824/QĐ-UBND ngày 14/10/2022 của UBND huyện về việc phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5000 xã Lương Mông, huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh đến năm 2040;

Căn cứ Quyết định số 3827/QĐ-UBND ngày 19/10/2022 của UBND huyện về việc phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu trung tâm xã Lương Mông, huyện Ba Chẽ;

Căn cứ Văn bản số 3574/UBND-QH3 ngày 13/6/2022 của UBND tỉnh về việc nghiên cứu lập quy hoạch chi tiết xây dựng khu trung tâm xã Lương Mông, huyện Ba Chẽ;

Căn cứ Văn bản số 1099/UBND-KTHT ngày 20/6/2022 của UBND huyện về việc triển khai lập quy hoạch chi tiết xây dựng khu trung tâm xã Lương Mông, huyện Ba Chẽ;

Theo đề nghị của phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Tờ trình số 205/TTr-KTHT ngày 08/11/2022 và của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tại Tờ trình

số 799/TTr-DTXD ngày 07/11/2022 và Báo cáo giải trình số 1399 ngày 17/10/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu trung tâm xã Lương Mông, huyện Ba Chẽ (kèm các bản đồ quy hoạch chi tiết in tỷ lệ 1/500), với những nội dung chính như sau:

1. Phạm vi ranh giới, diện tích:

1.1. Phạm vi ranh giới:

Vị trí: Tại thôn Đồng Giăng B, xã Lương Mông, huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh. Có ranh giới cụ thể như sau:

- Phía Bắc giáp đường tỉnh 330.

- Phía Nam giáp đồi núi.

- Phía Đông giáp đường tỉnh 330 và Trường DT bán trú Tiểu học và THCS Lương Mông.

- Phía Tây giáp đường Đồng Giăng B đi Khe Giầy.

1.2. Diện tích nghiên cứu lập điều chỉnh quy hoạch 102.526,5 m² (10,253 ha), được giới hạn bởi các điểm 01, 02, 03, ... 25, 26, 27, 01 tại bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất.

2. Tính chất và mục tiêu:

- Tính chất: Quy hoạch xây dựng xã Lương Mông đồng bộ về hạ tầng kinh tế - xã hội để đạt tiêu chí đô thị loại V trong tương lai; đây là trung tâm hành chính, công cộng, văn hóa, thương mại và khu ở dân cư của trung tâm xã Lương Mông. Có cảnh quan hài hòa với cảnh quan chung của khu vực, quy hoạch gắn kết không gian cây xanh, các nhà ở nông thôn hiện hữu với các khu ở dân cư mới, tạo cảnh quan không gian, điểm nhìn cho khu vực.

- Mục tiêu:

+ Cụ thể hoá Quy hoạch chung xây dựng huyện Ba Chẽ tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2010 – 2025 và tầm nhìn đến 2025.

+ Cụ thể hóa định hướng quy hoạch xây dựng vùng huyện và quy hoạch chung xây dựng xã đang được lập.

+ Định hướng phát triển không gian phù hợp với quy hoạch phát triển hệ thống các công trình công cộng, điểm dân cư. Đảm bảo kết nối đồng bộ với các khu vực lân cận.

+ Định hướng phát triển điểm dân cư theo hướng tiết kiệm đất sản xuất nông nghiệp, đảm bảo yêu cầu phát triển kinh tế xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái, sử dụng đất đai có hiệu quả.

+ Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật, cải tạo môi trường.

+ Tạo cơ sở pháp lý để quản lý xây dựng theo quy hoạch trong khu vực nghiên cứu quy hoạch.

+ Tăng quỹ đất nhà ở cho nhân dân trong xã và dành quỹ đất kêu gọi các nhà đầu tư nhằm thúc đẩy kinh tế của địa phương phát triển.

+ Làm cơ sở để triển khai các bước tiếp theo theo quy hoạch.

3. Nội dung chính quy hoạch

3.1. Cơ cấu sử dụng đất, quy mô dân số

- Bảng cân bằng sử dụng đất khu điều chỉnh cục bộ

| Stt | Loại đất | Diện tích (m ²) | Tỉ lệ % |
|-----|--------------------------------------|-----------------------------|---------|
| I | Đất ở | 13.505,9 | 13,17 |
| II | Đất công cộng | 32.658,1 | 31,85 |
| III | Đất cây xanh đơn vị ở, mặt nước | 20.523,4 | 20,02 |
| IV | Đất giao thông, hạ tầng kỹ thuật, kè | 35.839,1 | 34,96 |
| V | Tổng diện tích lập quy hoạch | 102.526,5 | 100,00 |

- Danh mục sử dụng đất

| Stt | Danh mục | Ký hiệu | Diện tích (m ²) | Tổng số hộ | Tầng cao | Mật độ xd (%) | Hệ số sdd (lần) |
|-----------|-----------------------------|---------|-----------------------------|------------|----------|---------------|-----------------|
| I | Đất ở | | 13.505,9 | 82 | 5 | | |
| 1 | Đất ở hiện trạng | HT-01 | 760,6 | | 5 | 80-100 | 5,0 |
| 2 | Đất ở hiện trạng | HT-02 | 1.276,4 | | 5 | 80-100 | 5,0 |
| 3 | Đất ở biệt thự | BT | 2.340,6 | 10 | 3 | 60 | 1,8 |
| 4 | Lô đất xây dựng nhà liên kế | LK-01 | 1.370,0 | 10 | 5 | 71 | 3.6 |
| 5 | Lô đất xây dựng nhà liên kế | LK-02 | 2.002,6 | 16 | 5 | 77 | 3.9 |
| 6 | Lô đất xây dựng nhà liên kế | LK-03 | 2.223,9 | 18 | 5 | 77 | 3.9 |
| 7 | Lô đất xây dựng nhà liên kế | LK-04 | 1.337,5 | 11 | 5 | 75 | 3.9 |
| 8 | Lô đất xây dựng nhà liên kế | LK-05 | 804,0 | 7 | 5 | 82 | 4.1 |
| 9 | Lô đất xây dựng nhà liên kế | LK-06 | 1.390,3 | 10 | 5 | 78 | 3.9 |
| II | Đất công cộng | | 32.658,1 | | 2 | 50 | 1,0 |
| 1 | Đất ủy ban nhân dân xã | UB | 6.034,9 | | 3 | 50 | 1,5 |
| 2 | Đất liên cơ quan | CC-01 | 2.989,9 | | 3 | 50 | 1,5 |
| 3 | Đất BQL rừng phòng hộ | CC-02 | 393,7 | | 2 | 50 | 1,0 |
| 4 | Đất chốt vận hành số 1 | CC-03 | 282,5 | | 2 | 50 | 1,0 |

| | | | | | | | |
|------------|---|-----------|------------------|--|---|----|-----|
| | diện lục | | | | | | |
| 5 | Đất bưu điện | CC-04 | 408,8 | | 2 | 50 | 1,0 |
| 6 | Đất kiểm lâm | CC-05 | 282,5 | | 2 | 50 | 1,0 |
| 7 | Đất đội cảnh sát phòng cháy và chữa cháy | CC-06 | 286,0 | | 2 | 50 | 1,0 |
| 8 | Đất chợ trung tâm xã | CH-01 | 2.727,3 | | 2 | 50 | 1,0 |
| 9 | Đất chợ phiên vùng cao | CH-02 | 16.310,5 | | 1 | 40 | 0,8 |
| 10 | Đất y tế | YT | 2.508,5 | | 2 | 50 | 1,0 |
| 11 | Đất đài tưởng niệm | TN | 433,5 | | 2 | 50 | 1,0 |
| III | Đất cây xanh đơn vị ở, mặt nước | | 20.523,4 | | | | |
| 1 | Cây xanh 1 | CX-01 | 114,4 | | | | |
| 2 | Cây xanh 2 | CX-02 | 977,6 | | | | |
| 3 | Cây xanh 3 | CX-03 | 110,0 | | | | |
| 4 | Cây xanh 4 | CX-04 | 134,5 | | | | |
| 5 | Cây xanh 5 | CX-05 | 434,2 | | | | |
| 6 | Cây xanh 6 | CX-06 | 390,9 | | | | |
| 7 | Cây xanh 7 | CX-07 | 2.237,3 | | | | |
| 8 | Cây xanh 8 | CX-08 | 776,9 | | | | |
| 9 | Cây xanh 9 | CX-9 | 883,0 | | | | |
| 10 | Cây xanh 10 | CX-10 | 618,2 | | | | |
| 11 | Cây xanh 11 | CX-11 | 4.403,7 | | | | |
| 12 | Thể dục, thể thao | TDTT | 9.192,4 | | | | |
| 13 | Đất mặt nước | MN | 250,3 | | | | |
| IV | Đất giao thông + hạ tầng kỹ thuật + kè | HT | 35.839,1 | | | | |
| 1 | Bãi đỗ xe số 1 | P1 | 1.127,8 | | | | |
| 2 | Bãi đỗ xe số 2 | P2 | 676,0 | | | | |
| 3 | Đất giao thông + HTKT | | 34.035,3 | | | | |
| V | Tổng diện tích lập quy hoạch | | 102.526,5 | | | | |

- Quy mô dân số quy hoạch 500 người.

3.2. Định hướng tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan:

- Khu quy hoạch thuộc trung tâm xã Lương Mông, cấu trúc quy hoạch theo từng lô nhà ở, có không chế kích thước từng lô vừa phải để bố trí mạng giao thông theo dạng ô bàn cờ. Trong từng ô đất có không chế các kích thước, chỉ giới xây dựng, các khoảng lùi đảm bảo sự thống nhất về không gian cho toàn khu quy hoạch. Hình thành một khu ở gồm các lô đất ở, kết hợp với việc quản lý hành chính khu dân cư như: Quy mô khu phố, nhân khẩu trong khu vực quy hoạch các lô đất xây dựng nhà ở như nhà liền kề có sân (từ LK01 đến LK06), nhà ở biệt thự (BT01). Các lô đất ở được đặt ở vị trí thuận lợi giao thông, hợp lý và tính đến hiệu quả kinh tế khi thiết kế san nền cho toàn khu.

- Ngoài chức năng các lô nhà ở, khu quy hoạch còn bao gồm lô đất công trình công cộng, thương mại, cơ quan đáp ứng yêu cầu sinh hoạt văn hóa, trao đổi mua bán hàng hóa cho người dân sinh sống trong khu ở. Công trình đại tưởng niệm quy hoạch tại vị trí mới kết hợp hệ thống cây xanh quảng trường tạo quần thể kiến trúc mang tính chất trang nghiêm không gian cây xanh rộng mở.

- Hệ thống cây xanh vườn hoa là điểm kết nối các không gian trong khu ở. Kết hợp hài hòa cây xanh với mặt nước, tổ chức thành hệ không gian mở với các điểm nhìn khác nhau, không gian phong phú đa dạng. Tổ chức hệ thống cây xanh, đường dạo, tiểu cảnh để tạo không gian và mỹ quan đô thị.

- Đồ án thiết kế tạo nên khu ở mang không gian kiến trúc đẹp, phong phú, đa dạng đáp ứng được yêu cầu kiến trúc cảnh quan của một khu dân cư ở hiện đại kiểu mới và đáp ứng được nhu cầu ở và sinh hoạt văn hóa tinh thần của người dân, đảm bảo đạt các tiêu chuẩn xã Lương Mông thành đô thị loại V trong tương lai.

3.3. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật đảm bảo đầu nối thống nhất với hạ tầng kỹ thuật các công trình, dự án liền kề trong khu vực, trong đó có điều chỉnh bổ sung một số hạng mục chính như sau:

a. Quy hoạch giao thông

- Giao thông đối ngoại có tuyến đường hiện trạng nằm ở phía Bắc của khu quy hoạch là tuyến đường tỉnh 330. Quy mô mặt cắt các tuyến đường 15,0m, gồm lòng đường 9,0m + vỉa hè $2 \times 3,0\text{m} = 6,0\text{m}$.

- Giao thông nội bộ khu quy hoạch gồm các tuyến đường kết nối với các đường đối ngoại và liên kết với nhau dạng ô bàn cờ. Quy mô mặt cắt các tuyến đường mặt cắt 1 – 1, chỉ giới đường đỏ 20,5m gồm lòng đường 10,5m + vỉa hè $2 \times 5,0\text{m}$; đường mặt cắt 3 – 3, chỉ giới đường đỏ 17,0m gồm lòng đường 7,0m + vỉa hè $2 \times 5,0 = 10,0\text{m}$; đường mặt cắt 4 – 4, chỉ giới đường đỏ 12,0m gồm lòng đường 6,0m + vỉa hè $2 \times 3,0 = 6,0\text{m}$; đường mặt cắt 5 – 5 chỉ giới đường đỏ 7,5m gồm lòng đường 3,5m + vỉa hè $2 \times 2,0 = 4,0\text{m}$.

- Các tuyến đường bám sát địa hình tự nhiên, hạn chế tối đa đào đắp, nền đường gồm các dạng mặt cắt: nền đào, nền đắp và nền nửa đào nửa đắp, nhưng chủ yếu là dạng nền đào.

- Khu vực các công trình công cộng, dịch vụ trong đồ án quy hoạch bố trí bãi đỗ xe nằm ở gần khu vực chợ để phục vụ nhu cầu của khu vực. Số lượng bãi đỗ xe: 02 bãi.

- Kết cấu áo đường, vỉa hè lựa chọn trong bước triển khai lập dự án; kết cấu áo đường, vỉa hè phải đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật, tạo được mỹ quan đô thị.

b. Quy hoạch san nền

- Giữ nguyên cao độ nền các tuyến đường đối ngoại nằm phía Bắc khu Quy hoạch và đầu nối với tuyến đường đối ngoại nằm phía Bắc khu quy hoạch

theo thiết kế đã được phê duyệt. Các vị trí đầu nối với đường tỉnh lộ đảm bảo an toàn, êm thuận, phù hợp với cao độ hiện trạng. Phần diện tích dân cư hiện trạng giữ nguyên theo hiện trạng.

- Hướng dốc chính của khu vực quy hoạch từ Tây xuống Đông, độ dốc đảm bảo thoát nước tự chảy và thuận lợi cho xây dựng công trình. Khu vực hai bên các tuyến đường tỉnh lộ chủ yếu là ruộng trũng, thấp hơn nền đường nên giải pháp san nền chủ yếu là tôn nền; một số khu vực cục bộ địa hình đồi cao sử dụng giải pháp đào nền; đất đào nền được tận dụng để tôn nền.

- Cao độ san nền: thấp nhất là +100,00m; cao nhất phía là +110,00m; độ dốc nền trung bình khoảng 0,5% - 4%

- Các khu vực nền đào và nền đắp bố trí mái taluy hoặc kè chắn đất đảm bảo ổn định nền, tránh sạt lở.

c. Quy hoạch thoát nước

- Quy hoạch hệ thống thoát nước mưa cho khu quy hoạch. Thiết kế tuyến cống thoát nước dựa theo điều kiện hiện trạng khu vực để đảm bảo việc thoát nước nhanh và an toàn nhất.

- Quy hoạch hệ thống thoát nước trên nguyên tắc đảm bảo thoát nước tự chảy, thoát nước bám theo địa hình tự nhiên, phân chia khu vực quy hoạch thành các lưu vực nhỏ.

- Hệ thống cống được bố trí dọc các tuyến đường giao thông để thu nước với chế độ thoát nước tự chảy. Các tuyến cống bố trí trên lề đường thu gom nước mặt rồi dẫn ra hồ trong khu quy hoạch và suối lân cận.

d. Quy hoạch cấp nước

- Nguồn nước: Nguồn nước cung cấp cho khu quy hoạch lấy đường ống cấp nước theo định hướng quy hoạch chung theo 2 hướng đầu nối phía Bắc và Tây khu quy hoạch qua điểm khởi thủy nước đưa vào mạng phân phối cung cấp cho các đơn nguyên dùng nước.

- Phương án cấp nước:

+ Mạng lưới cấp nước cho khu quy hoạch là mạng lưới chung giữa nước cấp cho sinh hoạt, nước chữa cháy, tưới cây và rửa đường. Từ đường ống cấp nước chung dẫn các đường ống chính tới cấp cho các đơn nguyên sử dụng nước.

+ Mạng cấp nước chính cho khu quy hoạch là mạng vòng với tuyến ống chính phân phối kết hợp nhánh cụt với tuyến ống dịch vụ. Từ các đường ống cấp nước chính nước được cung cấp cho các đơn vị sử dụng nước bằng các hệ thống đường ống cấp nước phân phối có tiết diện nhỏ hơn. Các tuyến ống cấp nước được bố trí trên hè đường, có đường kính Ø50- Ø110. Sử dụng ống bằng vật liệu HDPE chịu được áp lực cao theo yêu cầu cấp nước sinh hoạt và cấp nước chữa cháy ngoài nhà.

+ Bố trí hố van tại vị trí đầu của các tuyến ống cấp nước nhằm giúp cho việc điều tiết nước giữa các khu vực, thuận tiện cho việc kiểm tra, sửa chữa,

đường ống khi có sự cố rò rỉ. Hồ đồng hồ, hồ van sử dụng kết cấu xây gạch hoặc bê tông cốt thép.

- Cấp nước chữa cháy:

+ Mạng lưới cấp nước chữa cháy sử dụng áp lực thấp. Chọn số đám cháy xảy ra cùng một lúc là $n=1$ đám, với lưu lượng mỗi đám cháy cháy là $q=15l/s$ ở 1 khu khác nhau, mỗi khu 1 đám cháy, thời gian dập tắt các đám cháy là 3 giờ, lưu lượng nước chữa cháy tính toán $= 162 m^3/3h = 54m^3/h$.

+ Hạng cứu hỏa được bố trí ở nơi thuận tiện cho việc lấy nước chữa cháy, ở ngã ba, ngã tư đường phố. Khoảng cách giữa các hạng cứu hỏa không quá 150m. Trụ cứu hỏa sử dụng loại đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn, chiều cao so với mặt đất $\geq 0,7m$. Hạng cứu hỏa được bố trí trên các tuyến ống D100mm trở lên.

e. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường

- Phương án thoát nước thải:

+ Thiết kế hệ thống thoát nước thải riêng thu nước từ các công trình, hệ thống công đặt dưới hành lang kỹ thuật phía sau các dãy nhà. Nước được thu gom tập trung dẫn về khu xử lý chung theo quy hoạch.

+ Hướng thoát chung theo hướng cao độ nền, dốc về phía các khu trạm xử lý riêng, nước sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn được xả ra các sông lân cận.

+ Nước bẩn được xử lý cục bộ qua bể tự hoại 3 ngăn tại các công trình và được thu vào hệ thống công thu nước thải riêng biệt đặt ở phía trước và sau các dãy nhà, công trình. Đường ống thoát nước thải từ các hộ dân được đấu nối vào đường ống thu nước tại các ga thu nước đã có các hạng ống chờ. Đối với dãy nhà liền kề, đường ống thoát nước thải đấu nối trực tiếp ra mương thu nước thải B400 sau nhà.

- Chất thải rắn (CTR) sinh hoạt khu vực nghiên cứu được thu gom tập trung. CTR cần được phân loại tại nguồn thành CTR vô cơ (kim loại, thủy tinh, giấy, nhựa) và CTR hữu cơ (thực phẩm thừa, rau, quả, củ). hai loại này được để vào bao chứa riêng. Chất rắn vô cơ được định kỳ thu gom và tận dụng tối đa đem đi tái chế. CTR hữu cơ được thu gom hàng ngày đem đi xử lý tại khu xử lý CTR chung của khu vực. Bố trí các thùng chứa CTR có nắp đậy trong các khu chức năng ở các vị trí thuận tiện cho việc thu gom.

f. Quy hoạch cấp điện

- Điện trung áp: Cấp điện cho khu quy hoạch từ lưới điện trung áp hiện có của khu vực. Điểm đấu nối do điện lực Quảng Ninh cấp phép và thực hiện. Từ điểm đấu nối kéo đường cáp ngầm Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-W-20/35(40,5)kV-3x70mm² cấp điện cho trạm biến áp trong dự án. Sử dụng trạm biến áp treo có dung lượng 630kVA-35(22)/0.4kV.

- Điện hạ áp: Toàn bộ lưới điện hạ áp dùng cáp ngầm hạ áp Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-0.6kV có tiết diện từ 50 đến 120mm² được luồn

trong ống xoắn chịu lực HDPE đi trong hào cáp theo quy định. Các tủ điện phân phối được đặt trên vỉa hè.

- Chiếu sáng: Khu dự án sẽ được chiếu sáng bởi các đèn chiếu sáng LED lắp trên cột thép. Dự kiến đèn chiếu sáng sân đường được đóng ngắt bằng tủ điện chiếu sáng điều khiển tự động. Các đường trục cáp điện dùng cho chiếu sáng là cáp Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-W-0.6kV-3x10+1x6. Toàn bộ cáp được luồn trong ống xoắn chịu lực HDPE đi trong hào cáp theo quy định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Ủy ban nhân dân xã Lương Mông quản lý quy hoạch; chủ trì, phối hợp với Đội Kiểm tra trật tự đô thị và Môi trường quản lý giám sát việc xây dựng công trình theo quy hoạch được duyệt; đình chỉ xây dựng, xử phạt hành chính, cưỡng chế phá dỡ những công trình xây dựng trái phép, xây dựng sai phép, xây dựng không tuân theo quy hoạch được duyệt theo quy định.

- Ủy ban nhân dân xã Lương Mông phối hợp với Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng và các phòng, ban chuyên môn của huyện cắm mốc, công bố, công khai quy hoạch.

- Phòng Kinh tế và Hạ tầng thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về quy hoạch xây dựng theo quy định.

- Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND xã Lương Mông cập nhật quy hoạch vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện.

- Các phòng, ban: Tài chính – Kế hoạch, Văn hoá và Thông tin, Ban quản lý dự án đầu tư và xây dựng, Đội Kiểm tra trật tự đô thị và Môi trường hướng dẫn, đôn đốc UBND xã Lương Mông thực hiện quản lý đối với các dự án, công trình thuộc quy hoạch và triển khai các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Các Ông (Bà): Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính – Kế hoạch, Tài nguyên và Môi trường, Văn hoá và Thông tin; Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư và xây dựng; Đội trưởng Đội Kiểm tra trật tự đô thị và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Lương Mông căn cứ Quyết định thi hành.

Nơi nhận:

- TT Huyện ủy, HĐND huyện (B/c);
- CT, các PCT UBND huyện;
- Như điều 3 (thực hiện);
- Công Thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT.

ses

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đỗ Mạnh Hùng